

Số: 26 /2020/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng  
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai xảy ra;*

*Theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài Chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tài chính, NNPTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTQVN tỉnh;
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng  
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế**  
(Kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nguyên tắc, nội dung chi, mức chi, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quỹ) bao gồm cả phần kinh phí của Quỹ giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Nguyên tắc chi Quỹ**

1. Chi chi Quỹ hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương đã chủ động khắc phục, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai nhưng vượt quá khả năng cân đối ngân sách của đơn vị, địa phương.

2. Chi chi Quỹ hỗ trợ cho các đối tượng chưa được hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Trong trường hợp có nhiều chính sách cùng một nội dung hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, đối tượng đó chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

3. Việc chi Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch.

**Điều 3. Nội dung và mức chi Quỹ**

Nội dung chi và mức chi Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 4. Thẩm quyền chi Quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai (viết tắt là Nghị định số 94/2014/NĐ-CP) và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP (viết tắt là Nghị định số 83/2019/NĐ-CP).

## **Điều 5. Quản lý, sử dụng Quỹ**

1. Quản lý, sử dụng Quỹ: Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP.

2. Phân bổ Quỹ cho cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP, cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai nhưng tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ở cấp của mình.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp:

a) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định.

Trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và vượt khả năng cân đối nguồn Quỹ cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

b) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định.

Trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại nặng và vượt khả năng cân đối nguồn Quỹ cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

c) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, phối hợp với các Sở: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan xác định nguồn lực để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện các nội dung theo Quy định này;

b) Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, sử dụng

kinh phí đảm bảo theo nội dung, định mức; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ và các chính sách liên quan khác;

b) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán.

### 4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

Phối hợp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Tài chính, các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ đảm bảo sự công bằng giữa các vùng, các chính sách, đúng đối tượng bị thiệt hại, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đột xuất đối với các hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác gây ra trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quy định này.

### 5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế:

a) Quản lý, sử dụng Quỹ trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí được phân cấp và giao để thực hiện cho công tác phòng chống thiên tai;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn chủ động triển khai hỗ trợ theo quy định, đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng Quỹ và thực hiện báo cáo quyết toán thu chi Quỹ trên địa bàn;

d) Chủ động sử dụng kinh phí từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố để khắc phục, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai. Ngoài phần hỗ trợ từ ngân sách tại Điều 3 Quy định này, chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ cùng cấp trong việc điều phối tiền, hàng cứu trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước nhằm đảm bảo sự công bằng giữa các vùng cũng như các đối tượng bị thiệt hại.

### 6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Quản lý, sử dụng Quỹ trên địa bàn đảm bảo theo quy định của pháp luật và Quy định này, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về kinh phí được phân cấp và giao để thực hiện cho công tác phòng chống thiên tai;

b) Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi ý kiến về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**



**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số **26/2020/QĐ-UBND** ngày **19 tháng 5 năm 2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai</b>		
<b>1</b>	<b>Cứu trợ khẩn cấp về lương thực</b>	15 kg gạo/người/tháng	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, thời gian cứu trợ không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp
<b>2</b>	<b>Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cần thiết khác</b>	300.000 đồng/người/đợt	Mức chi thực hiện theo đơn giá hiện hành tối đa không quá 300.000 đồng/người/đợt
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ về người</b>		
a	Hộ gia đình có người chết do thiên tai	5.400.000 đồng/người	Mức chi thực hiện theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018
b	Hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai	2.700.000 đồng/người	
c	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai không phải địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó	8.100.000 đồng/người	
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ tu sửa nhà ở</b>		
a	Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở	20 triệu đồng/hộ	Mức chi thực hiện theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018
b	Hỗ trợ sửa chữa nhà bị phá hủy, hư hỏng do thiên tai trên 70% (hư hỏng gần như toàn bộ phần mái nhà, tường nhà, cột (trụ) nhà).	15 triệu đồng/hộ	
c	Hỗ trợ sửa chữa nhà bị phá hủy, hư hỏng do thiên tai từ 50%-70%	12 triệu đồng/hộ	
d	Hỗ trợ sửa chữa nhà bị phá hủy, hư hỏng do thiên tai từ 30% đến dưới 50%	09 triệu đồng/hộ	
<b>5</b>	<b>Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường</b>	10 triệu đồng/xã	Mức chi căn cứ

TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
	vùng thiên tai		theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương tối đa không quá 10 triệu đồng/xã
6	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 03 tỷ đồng/công trình	Không quá 03 tỷ đồng/01 công trình	Quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 1, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP. Mức hỗ trợ cụ thể từng công trình do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và khả năng cân đối của Quỹ
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai</b>		
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	300.000 đồng/hộ/ngày	Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương tối đa không quá 300.000 đồng/hộ/ngày và 05 ngày/đợt
2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến	50.000 đồng/người/ngày	Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương tối đa không quá 50.000 đồng/người/ngày và 10 ngày/đợt
3	<b>Hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo, báo động thiên tai tại cộng đồng</b>		
a	Lắp đặt trạm đo mưa chuyên dùng (đo mưa tự động)	Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
b	Thuê bao dịch vụ trạm đo mưa chuyên dùng		
c	Xây dựng trạm đo mực nước		
d	Thuê bao dịch vụ nhắn tin SMS, camera giám sát		
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai</b>		
1	<b>Phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật, lập kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai</b>		
a	Tuyên truyền trên các kênh	Không quá 50	Mức chi căn cứ



TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
	phương tiện thông tin đại chúng	triệu đồng/năm	trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm của Quỹ phòng chống thiên tai nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/năm
b	Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	Không quá 15 triệu đồng/lớp	Mức chi, các nội dung chi tiết theo quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh; kế hoạch tập huấn, dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tối đa không quá 15 triệu đồng/lớp
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai 05 năm các cấp	Tối đa không quá 5 triệu đồng/kế hoạch cấp xã; 15 triệu đồng/kế hoạch cấp huyện; 30 triệu đồng/kế hoạch cấp tỉnh.	Mức chi căn cứ trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ
3	Hỗ trợ tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai (mỗi huyện tối đa không quá 3 xã/năm)	Tối đa không quá 15 triệu đồng/xã/đợt/năm	Mức chi căn cứ theo kế hoạch và đề xuất của các địa phương; nội dung dự toán công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
IV	<b>Hỗ trợ thù lao cho người trực tiếp đi thu và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ</b>	Không vượt quá 3% tổng số thu	Mức chi quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định 83/2019/NĐ-CP và các quy định hiện



TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
V	Điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương	Tùy theo tình hình thực tế, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định	hành của nhà nước. Quy định tại khoản 3, Điều 9 Nghị định 94/2014/NĐ-CP. Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định